

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

HOÀNG THỊ HOÀI AN

**GIẢI PHÁP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO
TẠI HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ KINH TẾ

Đà Nẵng, Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Hiệp**

Phản biện 1: **PGS TS. Võ Xuân Tiên**

Phản biện 2: **TS. Vương Nam Đàn**

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 10 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

KẾT LUẬN

Xóa đói giảm nghèo là vấn đề nóng bỏng của tất cả các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là trong thời kỳ toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo được quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên, hiện tại vẫn còn tồn tại những vấn đề nhất định đe dọa tính bền vững của kết quả giảm nghèo đã đạt được trong thời gian qua.

Là một huyện thuộc tỉnh miền Trung của Việt Nam, Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị không được thiên nhiên ưu đãi nhiều, thời tiết và khí hậu ở đây quá khắc nghiệt, những hậu quả chiến tranh còn rất nặng nề trong thời bình với người dân nơi đây. Tuy vậy, người dân Cam Lộ luôn lạc quan, chăm chỉ, chịu khó và có ý chí vươn lên mãnh liệt. Cam Lộ nằm trên hành lang kinh tế Đông Tây, với nhiều di tích lịch sử và thắng cảnh đẹp, hứa hẹn một Cam Lộ phát triển trong thời kỳ đất nước hội nhập sâu hơn với thế giới. Hiện nay Cam Lộ vẫn là một huyện nghèo, thu nhập bình quân đầu người thấp. Kết quả giảm nghèo thời gian qua ở huyện Cam Lộ là đáng ghi nhận, song tính bền vững giảm nghèo chưa cao, còn nhiều yếu kém, tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới. Đề tài cũng đã nghiên cứu, phân tích làm rõ những đặc điểm nổi bật, yêu cầu cần phải giải quyết để đạt được mục tiêu XĐGN để từ đó đưa ra những giải pháp riêng cho Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Do tính chất phức tạp và rộng lớn của đề tài và năng lực hạn chế của học viên, tuy đã cố gắng có những tiếp cận ban đầu và bám sát thực tiễn, song vẫn còn nhiều vấn đề đòi hỏi phải được kiểm nghiệm trong thực tiễn và bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới.

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Đói nghèo là một vấn đề xã hội mang tính toàn cầu.

Xóa đói giảm nghèo (XĐGN) là một trong những chính sách xã hội cơ bản hướng vào phát triển con người, nhất là người nghèo, tạo cơ hội cho họ tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, để cho người nghèo có cơ hội và điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội phát triển sản xuất tự vươn lên thoát khỏi nghèo đói.

Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã và đang chú trọng đẩy mạnh phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện xóa đói giảm nghèo. Trong những năm gần đây, công tác xóa đói giảm nghèo ở huyện Cam Lộ đã đạt được những thành quả nhất định song tình trạng đói nghèo ở huyện Cam Lộ vẫn còn chiếm tỷ lệ cao trên toàn quốc, công tác xóa đói giảm nghèo ở huyện Cam Lộ vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại và đối mặt với nhiều khó khăn trong tình hình mới.

Hi vọng đề tài nghiên cứu: **“Giải pháp xóa đói giảm nghèo tại Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị”** của tác giả sẽ đóng góp cho huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị có những giải pháp xóa đói giảm nghèo hiệu quả hơn với tình hình thực tế của địa phương, đạt mục tiêu giảm nhanh nghèo đói và nâng cao đời sống cho nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Khái quát hóa các vấn đề lý luận về đói nghèo và xóa đói giảm nghèo; đánh giá thực trạng, nguyên nhân đói nghèo và thực trạng công tác xóa đói giảm nghèo tại Huyện Cam Lộ; từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới.

3. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

+ **Đối tượng:** Đề tài tập trung nghiên cứu vấn đề nghèo đói và XĐGN.

+ **Phạm vi nghiên cứu:** Đề tài tập trung nghiên cứu tình hình nghèo đói và XĐGN trên địa bàn huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Việc phân tích thực trạng nghèo đói và XĐGN chủ yếu từ 2005 đến 2010. Các đề xuất giải pháp về XĐGN dự kiến đến năm 2015 là chủ yếu.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về nghèo đói và XĐGN, vấn đề dân tộc. Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các phương pháp nghiên cứu cụ thể của kinh tế học và xã hội học như: Phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp, so sánh, điều tra, tổng kết thực tiễn... để đánh giá và làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu của đề tài.

5. KẾT CẤU ĐỀ TÀI

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về đói nghèo và xóa đói giảm nghèo

Chương 2: Thực trạng đói nghèo và công tác xóa đói giảm nghèo tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

Chương 3: Giải pháp xóa đói giảm nghèo tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

3.3. DỰ KIẾN KẾT QUẢ

Với những biện pháp nêu trên, dự kiến kế hoạch giảm nghèo hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

Bảng 3.1: Dự kiến kế hoạch giảm nghèo hàng năm giai đoạn 2011-2015

Ước tính năm	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số hộ	Hộ	12,050	12,250	12,450	12,650	12,800
Số hộ nghèo	Hộ	1,830	1,520	1,235	1,020	870
Tỷ lệ	(%)	15.19	12.41	9.92	8.06	6.80

Nguồn: Ban chỉ đạo công tác xóa đói giảm nghèo huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2%-3%, phấn đấu đến năm 2015 còn 6.80% hộ nghèo theo tiêu chí mới.
- Đến năm 2015 không còn hộ nghèo thuộc diện chính sách và không còn xã nghèo có tỷ lệ trên 27% hộ nghèo.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế mỗi năm 16% trở lên. Đến cuối năm 2015 không còn hộ nghèo ở nhà tranh tre dột nát, 95% hộ dân sử dụng nước sạch trong sinh hoạt hàng ngày.
- Cơ cấu kinh tế ngành Nông nghiệp dưới 45%; Công nghiệp từ 30% trở lên; Dịch vụ, du lịch từ 25% trở lên.
- Mỗi năm giảm tỷ lệ lao động không có việc làm thường xuyên từ 5%-10%.
- Tạo việc làm mới cho người lao động mỗi năm từ 5%-10%.
- Tỷ lệ sử dụng quỹ lao động ở nông thôn từ 5%-10%/năm
- Có 80%-90% hộ nghèo được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.
- Nâng cao tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật từ 15% năm 2010 lên 25% vào năm 2015.

3.2.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo

Nội dung của nhóm giải pháp này là thực hiện các cơ chế chính sách XĐGN mang tính hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng là người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa việc huy động các nguồn lực ở cộng đồng, của các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp để tăng nguồn đầu tư;
- Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và hướng dẫn người nghèo cách làm ăn;
- Mở rộng mạng lưới đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề để hỗ trợ giải quyết việc làm cho người nghèo;
- Thực hiện chính sách trợ cấp khi người nghèo khi gặp rủi ro, không có khả năng lao động;
- Hỗ trợ pháp lý và khả năng tiếp cận pháp lý cho người nghèo, nhất là đồng bào DTTS vùng miền núi;
- Đẩy mạnh thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ nghèo;
- Tạo điều kiện để các hộ nghèo, người nghèo tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội;

3.2.4. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện

- Kien toan bo may ban chi dao cac cap, tang cuong cong tac tuyen tuyen nang cao nhan thuc cho nguoi dan;
- To chuc tot cong tac dieu tra, quan ly hu ngho;
- Đẩy mạnh các biện pháp tạo nguồn vốn phục vụ chương trình xóa đói giảm nghèo;
- Xây dựng chương trình hành động xóa đói giảm nghèo;

CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐÓI NGHÈO VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.1. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÓI NGHÈO

1.1.1. Khái niệm và chuẩn đói nghèo

Ngày nay, đói nghèo đang trở thành một vấn đề cấp bách của nhiều quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới. Muốn thực hiện phát triển xã hội bền vững không thể không giải quyết vấn đề đói nghèo.

Nghèo đói đã, đang diễn ra trên quy mô lớn và hậu quả của nó tác động đến mọi vấn đề trong đời sống xã hội từ kinh tế đến chính trị, xã hội và môi trường sinh thái.

Hiện nay, đang tồn tại nhiều ý kiến, quan niệm khác nhau về đói nghèo. Tuy nhiên, về cơ bản các nhà khoa học thống nhất với nhau một số khái niệm sau đây:

Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương.

Nghèo tương đối là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng tại địa phương đang xét.

Nghèo tuyệt đối là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu cơ bản nhằm duy trì cuộc sống.

Nhu cầu cơ bản tối thiểu là những đảm bảo ở mức tối thiểu những nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở và nhu cầu sinh hoạt hàng ngày gồm văn hóa, giáo dục, đi lại, giao tiếp.

Đói là tình trạng của một bộ phận dân cư nghèo có mức sống dưới mức tối thiểu và thu nhập không đủ đảm bảo nhu cầu về mặt vật chất để duy trì cuộc sống. Đó là những hộ dân cư hàng năm thiếu ăn, đứt bữa từ một đến hai tháng, thường vay mượn cộng đồng và thiếu khả năng chi trả cộng đồng.

Tóm lại, nghèo đói là một phạm trù lịch sử, có tính tương đối. Tính chất và đặc trưng của nghèo đói phụ thuộc vào điều kiện địa lý tự nhiên, nhân tố chính trị, văn hóa và trình độ phát triển KT-XH của vùng, miền, quốc gia, khu vực.

* Luận văn sử dụng quy định về chuẩn nghèo đói theo chuẩn quốc gia để nghiên cứu.

1.1.2. Tác động của đói nghèo tới sự phát triển

- Cản trở tăng trưởng kinh tế
- Làm tăng quy mô dân số.
- Làm giảm chất lượng dân số.
- Làm gia tăng các tệ nạn xã hội.
- Bất bình đẳng xã hội.
- Đói nghèo gây tác động xấu tới môi trường.

1.2. NỘI DUNG XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.2.1. Khái niệm về xóa đói giảm nghèo

Xóa đói giảm nghèo là tổng thể các biện pháp, chính sách của Nhà nước và xã hội hay là của chính những đối tượng thuộc diện đói nghèo nhằm tạo điều kiện để họ có thể tăng thu nhập, thoát khỏi tình trạng thu nhập không đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu trên cơ sở chuẩn nghèo trong quy định theo từng địa phương, khu vực, quốc gia.

- Thống nhất nhận thức và trách nhiệm XĐGN đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các hội, đoàn thể và nhân dân;
- Bảo đảm ổn định chính trị và thực hiện công bằng xã hội;
- Hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, quy hoạch các ngành, các địa phương gắn với chương trình xóa đói giảm nghèo;
- Tăng cường các biện pháp quản lý kinh tế, xã hội;

3.2.2. Nhóm giải pháp tác động đến vùng nghèo

Các giải pháp hỗ trợ vùng nghèo tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Phân bổ lại dân cư; tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội; phát triển các ngành kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, trong đó có người nghèo; phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ công; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ... Tuy nhiên, ở huyện Cam Lộ có 3 vùng địa lý kinh tế tự nhiên là: vùng núi, đồng bằng và trung du, vùng ven sông có điều kiện thuận lợi, khó khăn khác nhau, yêu cầu giải quyết các vấn đề cho mục tiêu phát triển và XĐGN cũng khác nhau nên nội dung của các giải pháp trên đối với từng vùng cũng có sự khác nhau:

- Quy hoạch bố trí lại dân cư những nơi cần thiết;
- Phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH phù hợp với đặc điểm của từng vùng, đặc biệt ưu tiên đối với các khu vực nghèo;
- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập và XĐGN phù hợp với đặc điểm của Huyện;
- Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ thôn, xã triển khai XĐGN ở cơ sở;
- Phát triển mạnh mẽ phong trào xã hội hóa các hoạt động văn hóa - xã hội;

- + 300 lượt người nghèo được miễn giảm học phí học nghề;
- + 60 cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo các cấp được tập huấn nâng cao năng lực quản lý;

3.1.3. Nhiệm vụ chủ yếu công tác xóa đói giảm nghèo trong thời gian tới

- Tập trung tăng nguồn lực chi của huyện để tăng trưởng kinh tế;
- Công tác XDGN cần được thay đổi về nội dung và chất lượng;
- Tiếp tục đầu tư phát triển các cơ sở hạ tầng trung bình và nhỏ;
- Công tác khuyến nông cần có sự đột phá ;
- Tiếp tục thực hiện và mở rộng về đối tượng và nội dung chính sách hỗ trợ về y tế và giáo dục đối với hộ nghèo, người nghèo;
- Mở rộng diện và nâng cao mức hỗ trợ xã hội thường xuyên. Nâng cao chất lượng hỗ trợ đột xuất. Tăng cường khả năng khắc phục của bà con nghèo thông qua hình thành quỹ cứu trợ rủi ro của xã hội;
- Nâng cao hiệu quả công tác di dân theo chủ trương định canh, định cư và di dân dân của tỉnh. Hỗ trợ di dân tự do trong và ngoài huyện, tỉnh và xuất khẩu lao động;

3.2. GIẢI PHÁP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

3.2.1. Nhóm giải pháp tạo môi trường thuận lợi cho người nghèo

Đây là nhóm giải pháp không đầu tư trực tiếp cho người nghèo mà chỉ tạo môi trường thuận lợi, tức là tạo ra cơ hội tốt để người nghèo có thể nắm bắt lấy, tự cố gắng vươn lên thoát khỏi đói nghèo và hướng tới làm giàu.

1.2.2. Nội dung của xóa đói giảm nghèo

- Thứ nhất là tăng thu nhập cho người nghèo, vùng nghèo.
- Thứ hai là tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển và dịch vụ công đối với người nghèo, vùng nghèo.
- Thứ ba là giảm thiểu sự tổn thương cho người nghèo để XDGN mang tính bền vững
- Thứ tư là XDGN trước hết phải ưu tiên các đối tượng chính sách, vùng cách mạng, gắn giải quyết vấn đề kinh tế với chính trị-xã hội.

1.2.3. Các tiêu chí đánh giá kết quả công tác xóa đói giảm nghèo

- Công tác tổ chức bộ máy chỉ đạo, điều hành.
- Công tác điều tra quản lý hộ nghèo.
- Công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức.
- Công tác thực hiện xã hội hoá và huy động nguồn lực XDGN.
- Thực hiện công tác định canh, định cư đối với đồng bào DTTS:
- Kết quả xây dựng kết cấu hạ tầng các xã nghèo.
- Công tác thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế, giáo dục.
- Thực hiện một số chính sách khác đối với người nghèo.
- Hỗ trợ đào tạo, giải quyết việc làm cho người nghèo.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGHÈO ĐÓI VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.3.1. Nhóm nhân tố thuộc điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội làm gia tăng nguy cơ nghèo đói

- Vị trí địa lý không thuận lợi

- Đất đai không thuận lợi cho sản xuất
- Địa hình khó khăn
- Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt

1.3.2. Nhóm nhân tố thuộc về kinh tế không thuận lợi

Ảnh hưởng không thuận lợi của những nhân tố thuộc về kinh tế làm gia tăng nghèo đói và khó khăn đối với XĐGN bao gồm: Quy mô của nền kinh tế nhỏ bé, cơ cấu kinh tế lạc hậu, tốc độ tăng trưởng chậm, thu nhập của dân cư thấp, khả năng huy động nguồn lực vật chất cho XĐGN khó khăn, thị trường bị bó hẹp...; ưu tiên đầu tư nhiều vào vùng động lực phát triển kinh tế sẽ làm giảm nguồn lực cho đầu tư các vùng nghèo, hỗ trợ người nghèo, phân hóa giàu - nghèo sẽ tăng.

1.3.3. Nhóm nhân tố thuộc về xã hội

Những nhân tố xã hội tác động đến nghèo đói và hoạt động XĐGN bao gồm: Dân số và lao động, trình độ dân trí, đầu tư cho giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phong tục, tập quán, an ninh chính trị, vấn đề cán bộ và tổ chức bộ máy quản lý, điều hành.

1.3.4. Nhóm nhân tố thuộc đường lối, chính sách Đảng và Nhà nước

Là những nhân tố tạo thuận lợi cho XĐGN. Nhóm nhân tố này có tính hai mặt, cả tích cực lẫn hạn chế. Hạn chế thể hiện ở hai khía cạnh:

Một là, chính sách không phù hợp với quy luật khách quan, không phù hợp với thực tiễn và thiếu đồng bộ thì tác dụng của chính sách sẽ không cao.

Hai là, tổ chức thực hiện chính sách không tốt thì hiệu quả đạt được của chính sách sẽ hạn chế.

CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

3.1. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

3.1.1. Bối cảnh thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong thời gian tới

- Việt Nam đang tích cực mở rộng các quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

- XĐGN đã và đang là mục tiêu chiến lược của quốc gia.

3.1.2. Mục tiêu xóa đói giảm nghèo

3.1.2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ Huyện lần thứ XIV xác định mục tiêu thực hiện trong công tác XĐGN: giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 18,27% năm 2010 xuống dưới 10,27% năm 2015.

3.1.2.2. Chỉ tiêu cụ thể

- + Thu nhập hộ nghèo tăng 1,45 lần so với năm 2010;
- + Các xã đặc biệt khó khăn và các xã nghèo cơ bản có đủ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu;
- + 50% xã nghèo thoát nghèo;
- + Trên 95% hộ nghèo được hưởng các chế độ chính sách;
- + 350 lượt hộ nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi;
- + 2500 lượt người nghèo được tập huấn kiến thức khuyến nông- lâm - ngư, cách thức làm ăn;
- + 1300 lượt người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí;
- + 500 lượt học sinh nghèo được miễn giảm phí và học phí;

8,5%; thu nhập bình quân đầu người đạt 310USD/năm. Bộ mặt nông thôn nhiều vùng đổi thay tiến bộ; đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, nhiều hộ thoát nghèo trở nên khá, lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước được củng cố.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Hoạt động XĐGN tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị trong những năm vừa qua tuy đã đạt được những kết quả đáng kể, song vẫn còn nhiều hạn chế, trở ngại cần phải tiếp tục giải quyết trong thời gian tới, cụ thể là:

- + Tăng trưởng kinh tế thiếu bền vững;
- + Tỷ lệ nghèo đói còn cao và kết quả XĐGN chưa bền vững;
- + Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động về XĐGN;
- + Cơ chế chính sách chưa đầy đủ và hiệu quả;
- + Việc lồng ghép các hoạt động, chương trình, dự án đầu tư tham gia XĐGN trên địa bàn tỉnh chưa được tổ chức thực hiện tốt;
- + Hệ thống kết cấu hạ tầng trong những năm vừa qua đã có bước phát triển khá nhưng vẫn còn yếu kém;
- + Chất lượng lao động của huyện vẫn còn rất thấp, năng suất lao động không cao, dẫn đến thu nhập thấp, đời sống của người lao động còn nhiều khó khăn;
- + Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện XĐGN còn nhiều bất cập;
- + Ý thức tự vươn lên thoát nghèo của bộ phận khá lớn hộ nghèo là rất kém;

1.3.5. Nhóm nhân tố thuộc về bản thân người nghèo, vùng nghèo

- *Đối với bản thân người nghèo:* Bản thân người nghèo có đủ năng lực và ý chí vươn lên thoát nghèo là động lực quyết định để thực hiện XĐGN thành công và bền vững.

- *Đối với vùng nghèo:* Vùng nghèo, thông thường là những vùng có nhiều hạn chế và trở ngại trong phát triển kinh tế - xã hội. Những vùng này thường khó có điều kiện phát triển hơn so với các vùng khác nên trở thành nghèo.

1.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở TRONG NƯỚC VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

1.4.1. Một số kinh nghiệm trong nước về xóa đói giảm nghèo

1.4.1.1. Một số kinh nghiệm của Việt Nam về XĐGN

Kết quả tổng hợp của các cơ chế, chính sách, mô hình XĐGN... Hàng năm tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 2%/năm; đời sống của nhiều vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa được cải thiện đáng kể.

1.4.1.2. Kinh nghiệm của Hà Tĩnh về xây dựng mô hình XĐGN

Hà Tĩnh là một tỉnh nghèo trong cả nước. Để thực hiện công tác XĐGN, tỉnh cho xây dựng các mô hình, chỉ đạo điểu ở cấp xã để rút kinh nghiệm triển khai cho các huyện và toàn tỉnh.

1.4.2. Những bài học rút ra đối với huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị trong xóa đói giảm nghèo

- *Thứ nhất,* phải tiến hành điều tra chu đáo, cận kề xây dựng được cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác, với những phân tích có căn cứ khoa học, thực tiễn các vùng nghèo đói khác nhau.

- *Thứ hai,* XĐGN phải luôn được coi là mục tiêu xuyên suốt trong chiến lược phát triển.

- *Thứ ba*, phải tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về XĐGN.

- *Thứ tư*, phải thấy rõ vấn đề XĐGN là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp và lâu dài.

- *Thứ năm*, phải làm tốt công tác tổ chức cán bộ, củng cố, kiện toàn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ĐỐI NGHÈO VÀ CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGHÈO ĐỐI VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu

- *Vị trí địa lý*: Cam Lộ nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Quảng Trị, Cam Lộ gồm có 8 xã và 1 thị trấn.

- *Địa hình*: Tổng diện tích của huyện là 346.90 km². Đây là vùng chuyển tiếp từ dãy núi Trường Sơn đến đồng bằng và miền duyên hải. Do đó, nó được phân chia chủ yếu thành 3 vùng là vùng núi, vùng đồng bằng - trung du (gò đồi) và vùng ven sông.

- *Khí hậu thời tiết*: Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị là nơi chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa.

2.1.1.2. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên

- *Tài nguyên đất*: Gồm có: Đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp có rừng, đất chuyên dùng, đất ở (Nông thôn và đô thị), đất chưa sử dụng.

1,685 hộ, khám chữa bệnh 862 lượt người nghèo, tổ chức khám chữa bệnh từ thiện, nhân đạo cho 93 lượt người nghèo, tàn tật.

2.2.2.3. Công tác làm giảm thiểu sự tổn thương cho người nghèo để XĐGN mang tính bền vững

Huyện đã thực hiện tốt chính sách an sinh – xã hội. Hàng năm UBND Huyện trích ngân sách từ 100 triệu – 150 triệu đồng mua lương thực (tương đương trên 50 tấn gạo/năm) cứu trợ kịp thời cho người dân.

+ Chính sách cứu trợ thường xuyên tăng cả về số lượng đối tượng và mức trợ cấp, tính đến cuối năm 2010 toàn huyện có gần 2800 người được hưởng, với mức trợ cấp hàng tháng 65.000 đồng/người.

2.2.2.4. Ưu tiên đối tượng chính sách, vùng cách mạng, gần giải quyết vấn đề kinh tế với chính trị - xã hội

Huyện đã huy động được 2,992 triệu đồng từ nhiều nguồn vốn khác nhau để hỗ trợ xây dựng 429 nhà ở cho hộ nghèo: trong đó hỗ trợ xây dựng 259 nhà ở cho các hộ nghèo là đồng bào DTTS, đối tượng chính sách, vùng cách mạng với tổng kinh phí là 2,072 triệu đồng.

2.3. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI GIAN QUA

Công tác thực hiện xóa đói giảm nghèo tương đối đồng bộ và đã góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội của huyện. Đến nay, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã xoá được đói, cơ bản chấm dứt tình trạng du canh du cư; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 28,18 (năm 2006) xuống 18,27% (năm 2010) theo chuẩn nghèo giai đoạn 2005-2010. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trên

+ Các tổ chức chính trị xã hội như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên đã vận động hội viên giúp nhau vay hàng chục tỷ đồng với lãi suất thấp hoặc không lãi suất.

➤ *Hỗ trợ người nghèo về nhà ở*

+ Tính đến ngày 31/12/2010, theo báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Quỹ vì người nghèo toàn huyện có trên 1,304 tỷ đồng đã xây dựng mới và tu sửa được 43 nhà “Đại đoàn kết”, "Nhà tình thương" cho hộ nghèo.

+ Nhiều xã, thôn cơ bản xóa xong nhà ở dột nát, tạm bợ cho hộ nghèo.

➤ *Hỗ trợ cho người nghèo về y tế và giáo dục*

Giáo dục:

+ Các chỉ số về giáo dục của huyện không ngừng được cải thiện.

+ Năm 2010, Cam Lộ là huyện thứ 6 cả tỉnh hoàn thành xóa mù chữ, tỷ lệ người được công nhận biết chữ đạt 99,48%. Đến nay đã có 5 trên 8 xã của huyện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở theo chuẩn mới.

+ Giáo dục thường xuyên đang được chú trọng.

+ Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp về giáo dục bao gồm: Học sinh con các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tất cả các học sinh hộ đói nghèo, học sinh dân tộc thiểu số.

Y tế:

+ Trong 5 năm, toàn huyện đã cấp hơn 24.000 thẻ BHYT, với tổng giá trị 593 tỷ đồng.

+ Thực hiện chính sách Hỗ trợ người nghèo về y tế đã thiết thực. Đến nay, toàn huyện đã cấp giấy chứng nhận hộ nghèo cho

- *Tài nguyên nước:* Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị có nguồn nước khá dồi dào nhưng khả năng khai thác còn hạn chế.

- *Tài nguyên du lịch sinh thái* được xem là một trong những yếu tố nổi trội cần được phát huy ở huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- *Tài nguyên rừng:* Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị có diện tích đất lâm nghiệp chiếm 31,6% diện tích lãnh thổ.

- *Tài nguyên khoáng sản:* Khoáng sản ở huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tương đối đa dạng nhưng trữ lượng không lớn và chưa được điều tra đầy đủ.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế, xã hội

2.1.2.1. Đặc điểm xã hội

- *Dân số:* Dân số 63.167 người (2010), gồm các dân tộc: Kinh, Bru, Vân Kiều.

- *Lao động:* Số người ở độ tuổi lao động là 34.203 người, chiếm 54% dân số huyện. Lao động nông nghiệp chiếm 89% dân số, trong đó lao động có tay nghề chỉ có 14,53%.

- *Về giáo dục đào tạo:* Ngoài hệ thống trường phổ thông, trên địa bàn huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị còn có hệ thống trường dạy nghề tổng hợp huyện đào tạo nghề cho lao động hiện đang trong quá trình mới hình thành, từng bước xây dựng và phát triển.

- *Lĩnh vực chăm sóc sức khỏe:* Hiện nay 100% số thị trấn, xã, thôn, bản có trạm y tế.

- *Văn hoá thông tin:* Đến cuối năm 2010 có 90% số hộ được phủ sóng phát thanh và 65% phủ sóng truyền hình. Các hoạt động văn hoá, thông tin, báo chí, thể dục, thể thao phát triển cả về quy mô và có nhiều đổi mới về nội dung.

- *Hậu quả chiến tranh:* Hậu quả cuộc chiến tranh của Mỹ đã để lại cho huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị khá nặng nề.

Bảng 2.1: Một số chỉ số về điều kiện sống của Cam Lộ năm 2010

Chỉ số	Huyện Cam Lộ
Bác sỹ/1000 dân	2,28
Số giường bệnh/10.000 dân	20,9
Số hộ có điện (%)	98,0
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	18,27
Tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng tuổi (%)	97,3
Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học đúng tuổi (%)	95,1
Tỷ lệ học sinh phổ thông đi học đúng tuổi (%)	92,1

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2010

2.1.2.2. Đặc điểm về kinh tế

Nông nghiệp là hoạt động chính của Huyện, chiếm 52% giá trị kinh tế và 84% lực lượng lao động. Những thay đổi về cấu trúc nông nghiệp không đáng kể. Cả trồng trọt lẫn chăn nuôi đều phát triển không vững chắc, thiếu ổn định.

Những thay đổi về cấu trúc nông nghiệp không đáng kể. Cả trồng trọt lẫn chăn nuôi đều phát triển không vững chắc, thiếu ổn định.

Có thể rút ra một số lợi thế, khó khăn, thách thức đối với tăng trưởng và XDGN ở huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị như sau:

❖ Những lợi thế cơ bản:

+ Với vị trí địa lý thuận lợi (nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây), huyện Cam Lộ có lợi thế để đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa; phát triển sản xuất công nghiệp; khai thác tiềm năng du lịch cùng với phát huy lợi thế của hệ thống các di tích lịch sử nổi tiếng và hệ thống các danh lam thắng cảnh tự nhiên v.v..

+ Nhà nước tiếp tục đầu tư và có chính sách để phát triển

mở hơn 30 lớp tập huấn giúp hội viên nâng cao kiến thức trong làm ăn, kế hoạch sản xuất, chi tiêu trong gia đình.

Thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề:

+ Hàng năm với số kinh phí bình quân hơn 320 triệu đồng, đã giúp cho 05 làng nghề khôi phục duy trì, phát triển nghề truyền thống và du nhập nghề mới.

+ Thông qua các lớp dạy nghề ngắn hạn nhiều hộ nghèo đã có được nghề mới tạo thêm thu nhập ổn định cuộc sống.

+ Nhiều mô hình làng nghề, làng có nghề đã được nhân diện rộng và bước đầu đã được người nghèo áp dụng có kết quả.

+ Thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển các hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc đã được hỗ trợ giống, phân bón, thuốc trừ sâu, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phù hợp với đặc điểm sinh thái, cho năng suất cao hơn, xóa bỏ dần tập quán sản xuất canh tác lạc hậu.

2.2.2.2. Công tác làm tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển và dịch vụ công đối với người nghèo, vùng nghèo.

➤ *Về tín dụng ưu đãi hộ nghèo*

+ Đến 31/12/2010, đạt trên 111,834 triệu đồng với 8,924 lượt hộ nghèo được vay vốn; mức cho vay bình quân: từ 3,5 triệu đồng/hộ năm 2008 lên 6,5 triệu đồng/hộ năm 2010.

+ Gần 80% hộ nghèo của huyện được vay vốn và hầu hết các hộ nghèo vay vốn đều sử dụng đúng mục tiêu, có hiệu quả; nợ quá hạn dưới 3%; thông qua nguồn vốn vay đã giúp cho hơn hộ thoát nghèo.

+ Chương trình hợp tác Việt - Đức xóa đói giảm nghèo (KFW) đến 31/12/2010 dư nợ trên 20 tỷ đồng triển khai thực hiện tại 05 xã thuộc huyện Cam Lộ.

- Địa hình phức tạp còn ảnh hưởng đến việc phát triển giao thông liên xã, liên huyện..

- Ngoài ra còn do hậu quả của chiến tranh để lại.

➤ *Do cơ chế chính sách chậm đổi mới và thiếu đồng bộ*

Việc xoá bỏ chế độ bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường là đúng đắn và cần thiết. Song với cơ chế mới, nhiều chính sách kinh tế-xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ, trong đó chính sách đầu tư phát triển, đặc biệt là đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp- nông thôn.

➤ *Nguyên nhân chủ quan thuộc về người nghèo*

Đó là thiếu tri thức, kinh nghiệm sản xuất, phong tục lạc hậu, gia đình đông con, thiếu sức lao động, vốn, đất đai, tư liệu sản xuất... làm cho người nghèo lại càng có nguy cơ nghèo hơn.

2.2.2. Thực trạng công tác xóa đói giảm nghèo tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

2.2.2.1 Công tác làm tăng thu nhập cho người nghèo, vùng nghèo

Công tác khuyến nông, lâm, ngư, hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất cho người nghèo:

❖ **Tính đến 31/12/2010, toàn huyện đã tổ chức được:**

+ 25 lớp tập huấn và 12 mô hình trình diễn với hơn 928 lượt hộ nghèo tham gia.

+ Nội dung tập huấn đã được nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với yêu cầu đặt ra.

+ Các lớp tập huấn đã được triển khai tới các thôn, bản, xã của huyện như: Cam Hiếu, Cam Tuyên, Cam Tuyên, Cam Thủy... tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo tham gia, theo phương thức “Cầm tay chỉ việc”.

+ Các hội: Nông dân, Phụ nữ, Cựu chiến binh đã chủ động

thêm một số khu thương mại dọc hành lang kinh tế Đông – Tây. Với sự phát triển đó, khu vực huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị sẽ đẩy nhanh tốc độ phát triển và trở nên năng động hơn nhiều khi hành lang kinh tế Đông - Tây được thông thương.

+ Tiềm năng đất đai chưa sử dụng còn rộng lớn là điều kiện để mở rộng sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê, hồ tiêu).

+ Khoáng sản huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tuy không lớn, nhưng đa dạng và phân bố khá đều trên lãnh thổ, cho phép khai thác quy mô nhỏ với sự tham gia của các thành phần kinh tế khác nhau, có ý nghĩa lớn trong việc sử dụng hợp lý nguồn lao động và tác động trực tiếp đến việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, XDGN.

+ Nguồn lao động khá dồi dào.

+ Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị cũng là nơi được hưởng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư phát triển của Nhà nước.

❖ **Những khó khăn, thách thức chủ yếu:**

+ Xuất phát điểm của nền kinh tế còn thấp, cơ cấu kinh tế còn lạc hậu, kinh tế tuy có sự tăng trưởng khá nhưng không vững chắc, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn rất hạn chế.

+ Ngành công nghiệp chưa có cơ sở sản xuất công nghiệp lớn, các cơ sở của địa phương thì hầu hết là công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất thấp, sức cạnh tranh thị trường còn yếu.

+ Sản xuất nông nghiệp chưa bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu; thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định; chế biến nông sản chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất ảnh hưởng đến tính chủ động của các chỉ tiêu đầu ra cũng như việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

+ Tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ rất lớn nhưng do yếu kém của cơ sở hạ tầng, năng lực tổ chức quản lý, khai thác cùng với khả năng đầu tư hạn chế nên hiệu quả khai thác thấp

+ Đời sống của một bộ phận khá lớn dân cư còn khó khăn, nhất là dân cư vùng nông thôn và vùng đồng bào DTTS, vùng căn cứ cách mạng.

+ Lao động thiếu việc làm còn lớn, trình độ dân trí và chất lượng nguồn lao động còn thấp.

+ Thời tiết khắc nghiệt và thiên tai thường xuyên xảy ra, tài nguyên rừng đang bị cạn kiệt dần, môi trường sinh thái đang diễn biến theo xu thế xấu là sự bất lợi lớn cho quá trình phát triển và XĐGN bền vững của địa phương.

+ Hậu quả chiến tranh để lại còn nặng nề.

Từ những khó khăn, trở ngại trên đặt ra nhiều vấn đề cấp bách phải giải quyết cả về kinh tế, xã hội môi trường và XĐGN mà huyện phải thực hiện trong thời gian tới.

2.2. THỰC TRẠNG ĐÓI NGHÈO VÀ CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

2.2.1. Thực trạng và nguyên nhân đói nghèo tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

2.2.1.1. Thực trạng đói nghèo của huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

- Cam Lộ thuộc nhóm huyện nghèo nhất của cả Tỉnh, theo chuẩn nghèo quốc gia mới (giai đoạn 2005 – 2010).

- Cam Lộ là một huyện trong tỉnh Quảng Trị chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, *tỷ lệ hộ nghèo thuộc diện đối tượng chính sách khá lớn.*

- *Số hộ nghèo giáp ranh còn lớn, có một số hộ thoát nghèo song vẫn còn chưa vững chắc.*

- *Hạ tầng cơ sở yếu kém:* Đường xá đi lại trong các xã đa số chưa được rải nhựa, đa số là đường đất sét, lầy lội, tư người dân xây dựng, san lấp.

- *Mất cân bằng giữa các nhóm dân cư*

- *Khoảng cách giữa các hộ gia đình đang tăng lên, người nghèo cảm thấy họ bị thua kém hộ khá về nhiều mặt và dường như khoảng cách ngày càng khó thu hẹp.*

- *Tỷ lệ người nghèo tiếp cận với nước sinh hoạt hợp vệ sinh rất thấp.*

- *Tỷ lệ hộ dân có công trình vệ sinh rất thấp.*

- *Tỷ lệ sử dụng điện của hộ nghèo: là 73%. Ở nhiều nơi đã có điện cao thế, song người dân vẫn không đưa được điện tới nhà vì chưa có tiền.*

- *Giao thông đi lại tại các vùng cát, vùng đồi còn rất khó khăn.*

2.2.1.2. Nguyên nhân đói nghèo ở Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

Theo kết quả điều tra nghèo đói năm 2010 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nguyên nhân nghèo bao gồm:

Có 3 nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng nghèo đói của huyện. Cụ thể như sau:

➤ *Nhóm nguyên nhân do điều kiện kinh tế- xã hội*

- Cam Lộ, Quảng Trị là huyện miền cận núi

- Khí hậu khắc nghiệt là đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên của huyện.